

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Kim Thanh và Đào Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1984; ĐKKHKT: Khu 5, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; ĐKKHKT: Khu 5, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Thanh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tuấn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 06/12/2010 tại UBND xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi vợ chồng kết hôn thì chị và anh Tuấn ở nhà riêng tại Khu 5, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, sau đó anh Tuấn đi lao động tại Đài Loan được hơn hai năm. Sau khi anh Tuấn về nước được khoảng hơn hai năm thì đến lượt chị đi lao động tại Đài Loan trong khoảng hơn ba năm. Từ khoảng năm 2022, vợ chồng chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do sự khác biệt về quan điểm sống, lối sống và cách quản lý tài chính gia đình. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động tại Đài Loan,

ngày 11/02/2023, chị về hắt nước và sinh sống, nhưng chị và anh Tuấn sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, cuộc sống hôn nhân không cải thiện được.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang Thắng, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh Tuấn tại Khu 5, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết vụ án khi ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Quang Vinh, còn cháu Nguyễn Quang Thắng để anh Tuấn nuôi. Tuy nhiên sau đó chị có thay đổi quan điểm, tự nguyện để 02 con chung cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng cho một con chung là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thì xác định: Đối với các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh Tuấn biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tuy nhiên anh Tuấn vẫn vắng mặt tại Tòa án. Ngoài ra chị Thanh có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14_ ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T, chị Thanh được ly hôn anh Tuấn; Về con chung: Giao cả 02 con chung cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Thanh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là

3.000.000đồng/tháng cho một con chung là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng; Về án phí: Chị Thanh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Thanh, anh Tuấn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thanh, anh Tuấn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn một thời gian cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị Thanh nhận thấy tình cảm với anh Tuấn thực sự không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn.

Quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh Tuấn cư trú thấy phù hợp với lời trình bày của chị Thanh. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị Thanh và anh Tuấn không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Thanh, anh Tuấn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn không đến Tòa án để làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh Tuấn không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chị Thanh xin ly hôn với anh Tuấn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị Thanh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang Thắng, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013. Hiện 02 con chung đang ở cùng với anh Tuấn tại Khu 5, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Khi ly hôn chị tự nguyện để 02 con chung cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng cho một con chung là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013.

Xét về điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung của hai bên đương sự thấy rằng: Căn cứ vào tình hình thực tế từ khi chị Thanh và anh Tuấn xảy ra mâu thuẫn thì chị Thanh đã bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, đồng thời anh Tuấn là người trực tiếp nuôi cả 02 con chung, chị Thanh cũng không về ở cùng các con hay đón con đi theo. Quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về con chung nhưng qua thu thập tài liệu chứng cứ tại nơi các con của anh Tuấn theo học thì nguyện vọng của các con chung đều mong muốn xin được ở với bố là anh Tuấn. Do đó có cơ sở để khẳng định anh Tuấn hiện vẫn đang nuôi 02 con chung phù hợp với trình bày của chị Thanh.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của các con chung là chính đáng, cũng như để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, có điều kiện ăn học tốt nhất tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của các con chung cần giao cho anh Tuấn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Quang Thắng, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013 đến khi cả 02 con chung thành niên là phù hợp với thực tế. Mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Thanh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng cho một con chung là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013, kể từ tháng 03/2025. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Xét thấy chị Thanh và anh Tuấn đều là lao động tự do, việc cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm của người làm cha làm mẹ vì vậy chị Thanh tự nguyện cấp dưỡng nuôi một con chung cho anh Tuấn xét thấy là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Thanh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Tuấn không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Thanh phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Quang Thắng, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013 cho anh Tuấn trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Thanh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho con chung là Nguyễn Quang Vinh, sinh ngày 30/03/2013, kể từ tháng 03/2025, đến khi con chung Nguyễn Quang Vinh thành niên, có khả năng lao động, phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Thanh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Tuấn không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Thanh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003229 ngày 06/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Chị Thanh còn phải nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã (phường) nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- UBND xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cẩm Vân

Số: /2025/TL-TA

Việt Trì, ngày 03 tháng 03 năm 2025

**TRÍCH LỤC
BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2024/HNGĐ-ST ngày 23/01/2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Hoàn, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Khu Minh Bọt, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Trần Quang Châu, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Khu Minh Bọt, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Hoàn xin ly hôn anh Trần Quang Châu.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Hoàn được ly hôn với anh Trần Quang châu.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hà, sinh ngày 02/12/2010 và cháu Trần Gia Bảo, sinh ngày 06/12/2016 cho chị Hoàn trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Châu không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Hoàn tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Hoàn xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Châu không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Hoàn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hoàn đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003323 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Nơi nhận:

- Đường sự (c. Hoàn).

THẨM PHÁN

Nguyễn Cẩm Vân